TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 14 - 12 - 2021
V/v tranh chấp: chia tài sản sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Nguyễn Thị Phượng.

Các Thẩm phán:

+ Ông Phạm Văn Khôi.

+ Bà Trần Thị Sâm.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Liên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Phạm Minh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2021/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp "Chia tài sản sau khi ly hôn".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/HNGĐ-ST ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2021; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 1034/TB-TA ngày 09/8/2021; Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 1517/TB-TA ngày 15/11/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Vũ Thị Hoài Th, sinh năm 1983.

Địa chỉ: xóm 1, xã Qu, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: anh Trần Thế B, sinh năm 1977.

Nơi ĐKHKTT: xóm 1, xã Qu, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Vũ Thị H, sinh năm 1962.

Địa chỉ: xóm 1, xã Qu, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ Ông Trần Văn H (tên gọi khác là Trần Đức H), sinh năm 1936.

Địa chỉ: xóm 1, xã Qu, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

4. Người kháng cáo: chị Vũ Thị Hoài Th, nguyên đơn.

Tại phiên tòa chị Vũ Thị Hoài Th có mặt. Anh Trần Thế B, ông Trần Văn Hh (tên gọi khác là Trần Đức H), bà Vũ Thị H vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện ngày 13/12/2020, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vũ Thị Hoài Th trình bày: chị Th và anh Trần Thế B trước đây là vợ chồng. Do mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng không còn tình cảm nên anh chị đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Ngày 11/11/2020, tại Quyết định số 134/2020/QĐST-HNGĐ, Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Th và anh B. Về phần tài sản chung và công nợ chung, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung của chị Th và anh B gồm có: 200m^2 đất ở tại thửa 281 tờ bản đồ 22, địa chỉ thửa đất: xóm 1, xã Qu, huyện K; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thế B. Trên đất có khối tài sản là nhà mái bằng, bếp, công trình phụ, vật kiến trúc trị giá khoảng 300.000.000 đồng; tiền mặt do anh B đang quản lý 17.000.000 đồng. Về nợ chung: nợ bà Vũ Thị H 02 chỉ vàng 999, nợ một số người quen trả nợ cho Ngân hàng trước khi ly hôn 70.000.000 đồng. Nay chị Th yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung và công nợ chung vợ chồng theo hướng: chị sử dụng phần diện tích đất có nhà mái bằng, anh B nhận phần đất không có nhà, chị có trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho anh B. Anh B phải trả lại cho chị 35.000.000 đồng bằng 1/2 số tiền chị đã vay người quen để trả khoản nợ chung của vợ chồng tại Ngân hàng, anh B có trách nhiệm trả cho bà Vũ Thị H 01 chỉ vàng 999.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn là anh Trần Thế B trình bày: anh xác nhận anh được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh. Nguồn gốc thửa đất là đất 313 của bố mẹ anh, ông Trần Đức H (bố anh) làm đơn xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất 313 sang đất thổ cư. Quá trình làm thủ tục chuyển đổi đều do anh đứng tên trong hồ sơ, chi phí chuyển đổi do bố mẹ anh cho, chị Th không có đóng góp gì. Vì vậy mảnh đất này là tài sản riêng của anh, không liên quan đến chị Th. Về tài sản trên đất gồm 01 nhà mái bằng và công trình phụ xây dựng trên đất là tài sản chung của vợ chồng như chị Th trình bày là đúng, anh đề nghị được chia tài sản chung. Trường hợp chị Th muốn ở và sử dụng tài sản trên đất thì phải thanh toán lại cho anh, đồng thời phải mua lại toàn bộ quyền sử dụng đất có phần tài sản trên đất. Đối với số tiền 17.000.000 đồng Nhà nước chi trả một lần khi anh nghỉ việc, anh đã chi phí hết vào việc nộp tiền học phí, mua sách vở cho các con. Về nợ chung: khoản nợ 70.000.000 đồng tại ngân hàng, chị Th đã dùng tiền của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân để trả nên anh không đồng ý thanh toán lại cho chị Th. Về 2 chỉ vàng 999 chị Th vay của bà H, anh không biết nên không chịu trách nhiệm trả khoản nợ này.

Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà Vũ Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: năm 2010, anh B chị Th hỏi vay bà 02 chỉ vàng để xây nhà. Khi cho vay, bà không tính lãi và không có giấy biên nhận. Khi bà H giao số vàng này, chị Th là người trực tiếp nhận, không có ai làm chứng. Năm 2012, chị Th sang trả bà 01 chỉ vàng, còn nợ lại 01 chỉ nhưng mấy hôm sau chị Th lại sang vay lại 01 chỉ để xây công trình phụ. Như vậy chị Th anh B vẫn nợ bà 02 chỉ vàng. Nay bà đề nghị anh B chị Th mỗi người có trách nhiệm trả lại cho bà 01 chỉ vàng 999.

Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông Trần Văn H (tên gọi khác là Trần Đức H) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: toàn bộ diện tích đất mà chị Th và anh B sử dụng là đất 313 của ông. Khi anh B có ý định tách hộ ở riêng thì ông và anh B có làm thủ tục chuyển đổi 200m^2 đất nông nghiệp thành đất ở. Ủy ban nhân dân huyện Kim Sơn đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thế B vào năm 2006. Diện tích đất 313 còn lại vẫn là đất của ông. Phần đất nông nghiệp này ở trong khu dân cư nên ông H cho anh B, chị Th mượn sử dụng, không có giấy tờ gì. Ông yêu cầu anh B chị Th phải tháo dỡ để trả lại đất đó cho ông. Đối với phần diện tích đất anh B chị Th đang mượn, khi nào ông cần sẽ yêu cầu anh B chị Th trả lại cho ông, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/HNGĐ-ST ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình đã quyết định:

Căn cứ: Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 213, 351, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của chị Vũ Thị Hoài Th đối với anh Trần Thế B:

- Giao cho chị Th sử dụng diện tích 113,3 m^2 đất ở phía Tây thửa số 281 tờ bản đồ số 22, tại xóm 1, xã Qu, huyện K có chiều rộng phía Bắc giáp đường là 5,63m, chiều rộng phía Nam giáp đất nhà ông H là 5,73m, chiều dài phía Đông và phía Tây đều bằng 20m. Được sở hữu căn nhà mái bằng, mái tôn phía trước, sân gạch được xây dựng trên diện tích đất đó.

- Giao cho anh B sử dụng diện tích 86,4 m^2 đất ở phía Đông thửa số 281 tờ bản đồ số 22, tại xóm 11, xã Quang Thiện, huyện Kim Sơn có chiều phía Bắc giáp đường là 4,37m, chiều phía Nam giáp nhà ông H là 4,28m, chiều dài thổ đất phía Đông và phía Tây là 20m. (Có sơ đồ kèm theo).

- Buộc chị Vũ Thị Hoài Th phải thanh toán tiền chênh lệch giá trị tài sản cho anh Trần Thế B số tiền 127.713.000 đồng. Buộc chị Vũ Thị Hoài Th và anh Trần Thế B mỗi người phải trả cho bà Vũ Thị H 01 chỉ vàng 999. Buộc anh Trần Thế B phải trả cho chị Vũ Thị Hoài Th số tiền 5.000.000 đồng chi phí thẩm định giá tài sản.

2. Án phí:

- Buộc chị Vũ Thị Hoài Th phải nộp 13.305.000 đồng án phí chia tài sản; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.616.000 đồng tại biên lai số AA2494 ngày 18/12/2020 của chi cục THADS huyện Kim Sơn, còn phải nộp tiếp 2.689.000 đồng.

- Buộc anh Trần Thế B phải nộp 17.433.000 đồng án phí chia tài sản.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự; quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/6/2021, chị Vũ Thị Hoài Th làm đơn kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/HNGĐ-ST ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình với nội dung: chị kháng cáo về phương thức chia phần giá trị tài sản là diện tích đất đã được Nhà nước cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/9/2006. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét để đảm bảo quyền lợi cho chị.

Tuy nhiên, đến ngày 14/8/2021 chị Th có đơn kháng cáo với nội dung: Sửa bản án sơ thẩm vì không đúng quy định của pháp luật bởi những lý do sau:

- Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn đã căn cứ vào các giấy tờ chưa đủ căn cứ, cho rằng nguồn gốc tài sản là của bố chồng chị cho để xác định chồng chị được hưởng 60% giá trị tài sản chung là không đúng.

- Khi xử án Thư ký phiên tòa là ông Phạm Văn Th nhưng Tòa án lại ghi là bà Phạm Thị N, sau đó Tòa án lại cấp cho chị bản án khác ghi tên Thư ký phiên tòa là ông Phạm Văn Th.

- Khi còn sống chung, chị và anh B vay Ngân hàng 70.000.000 đồng để làm nhà. Khi xử án, Tòa án xử mà không nói gì đến phần lãi chị đã phải trả. Đề nghị Tòa án tính cả phần lãi này và chia đôi cho chị và anh B cùng trả.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã phân tích các tình tiết của vụ án, nhận định yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định; không chấp nhận kháng cáo của chị Th, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/HNGĐ-ST ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn. Về án phí, chị Th phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo đề ngày 22/6/2021 của chị Vũ Thị Hoài Th được làm trong thời hạn pháp luật quy định và đúng hình thức, nội dung theo quy định tại

các điều 272, 273, 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2]. Đối với đơn kháng cáo đề ngày 14/8/2021 của chị Vũ Thị Hoài Th: Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ khoản 2 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *trước khi bắt đầu phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo có quyền thay đổi, bổ sung kháng cáo nhưng không được vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, nếu thời hạn kháng cáo đã hết.*

Chị Th trình bày trong đơn kháng cáo ngày 14/8/2021 về việc Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn đã căn cứ vào các giấy tờ chưa đủ căn cứ, cho rằng nguồn gốc tài sản là của bố chồng chị cho để xác định chồng chị được hưởng 60% giá trị tài sản chung là không đúng. Về nội dung kháng cáo này trùng với nội dung chị đã kháng cáo ngày 22/6/2021 nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét theo nội dung đơn kháng cáo ngày 22/6/2021.

Về lý do khi xử án, Thư ký phiên tòa là ông Phạm Văn Th nhưng Tòa án lại ghi là bà Phạm Thị N, sau đó Tòa án lại cấp cho chị bản án khác ghi tên Thư ký phiên tòa là ông Phạm Văn Th. Xét thấy: chị cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm 02 bản án photo, không phải bản án có đóng dấu của Tòa án cấp sơ thẩm. Mặt khác việc ghi tên Thư ký phiên tòa không ảnh hưởng đến quyền lợi của chị, trong hồ sơ vụ án đã thể hiện Thư ký ghi biên bản phiên tòa là ông Phạm Văn Th. Việc chị Th kháng cáo bổ sung về vấn đề này là vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu khi thời hạn kháng cáo đã hết nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét.

Về nội dung chị Th nêu trong đơn kháng cáo ngày 14/8/2021 chị và anh B vay Ngân hàng 70.000.000 đồng để làm nhà. Khi anh chị ly hôn, chị phải đi vay 3 người với số tiền 70.000.000 đồng để trả Ngân hàng lấy sổ đỏ về. Khi xử án, Tòa án không nói gì đến phần lãi chị đã phải trả. Đề nghị Tòa án tính cả phần lãi này và chia đôi cho chị và anh B cùng trả.

Hội đồng xét xử xét thấy: tại Tòa án cấp sơ thẩm, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề lãi suất của số tiền vay Ngân hàng 70.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là đúng pháp luật. Căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện đó.* Việc chị Th kháng cáo bổ sung yêu cầu này là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện. Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo. Căn cứ vào khoản 2 Điều 284, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết về vấn đề này.

[1.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Trần Thế B (bị đơn); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Đức H, bà Vũ Thị H vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về yêu cầu kháng cáo của chị Vũ Thị Hoài Th theo Đơn kháng cáo đề ngày 22/6/2021.

Tại trích lục bản đồ địa chính xã Qu lập năm 1996, tờ bản đồ số 22 thể hiện thửa đất số 38 có diện tích 4.150m^2.

Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Kim Sơn cấp ngày 24/9/1996 mang tên ông Trần Văn H thể hiện: ông H được quyền sử

dụng 460m^2 đất 2 lúa tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 22, thời hạn sử dụng 20 năm tại xã Qu, huyện K.

Trong Bảng thống kê diện tích thu hồi đất theo bản đồ địa chính xã Qu thể hiện thửa đất số 38, tờ bản đồ số 22, tổng diện tích 4.150m^2, diện tích thu hồi là 220m^2 từ các loại đất: thùng đào 120m^2, đất 2 lúa là 100m^2. (Bút lục số 56)

Theo Biên bản xác minh ngày 01/06/2021, Ủy ban nhân dân xã Qu xác nhận: năm 2006 ông H và anh B có đơn xin chuyển đổi 200m^2 đất 313 của ông H cho anh B làm nhà ở giãn dân và đã được Nhà nước chấp nhận cho chuyển đổi. Tuy nhiên, tại Quyết định số 2705/QĐ-UBND ngày 14/10/2005 của Ủy ban nhân dân huyện Kim Sơn về việc giao đất có nội dung: ***thu hồi*** 942m^2 đất (đất 2 lúa: 642m^2, đất mặt nước thùng đào: 300m^2) thuộc đất 5% công ích xã *để giao* cho 06 hộ sử dụng vào mục đích làm nhà ở 894m^2, để lưu không đường 48m^2. Vị trí giao đất đúng như trích lục bản đồ, mặt bằng giao đất kèm theo. Kèm theo Quyết định số 2705 nêu trên là Danh sách các hộ xin cấp đất làm nhà ở; trong đó có hộ anh Trần Thế B, vị trí được giao đất là tờ bản đồ số 22, thửa đất số 38, diện tích cấp 200m^2 đất, gồm 100m^2 đất 2 lúa và 100m^2 đất thùng đào.

Trong hồ sơ hộ anh B được giao đất, không có tài liệu nào thể hiện ông H đã làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho anh B chị Th. Bản thân anh B có Đơn xin đất làm nhà ở đề ngày 22/12/2003. (Bút lục số 43)

Ngày 19/9/2006, Ủy ban nhân dân huyện Kim Sơn đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Trần Thế B được quyền sử dụng 200m^2 tại thửa đất số 281, tờ bản đồ số 22, địa chỉ thửa đất: xã Qu, huyện K, tỉnh Ninh Bình; về nguồn gốc sử dụng là: *giao đất*.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/3/2021 thể hiện thửa đất tranh chấp có diện tích 199,7m^2 đất.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy quyền sử dụng 199,7m^2 đất tại thửa số 281 tờ bản đồ số 22 mà chị Th anh B có được sau khi kết hôn là tài sản chung của anh B chị Th tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, không có công sức đóng góp của ông H.

Theo kết quả định giá tài sản của Công ty TNHH thẩm định giá Tràng An thì giá trị quyền sử dụng đất là 412.780.000 đồng.

Căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tài sản chung của vợ chồng chia đôi nên cần chia đôi giá trị quyền sử dụng đất, chia cho chị Th và anh B mỗi người được hưởng ½ giá trị quyền sử dụng đất; cụ thể anh B, chị Th mỗi người được hưởng 206.390.000 đồng.

Tại mục [3.6] phần nhận định của bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã chia cho chị Th: quyền sử dụng diện tích 113,3 m^2 đất ở, nhà mái bằng, mái tôn, sân gạch, có tổng giá trị hiện vật là 428.822.000 đồng. Anh B được chia quyền sử dụng diện tích 86,4 m^2 đất ở, sân trạt, chuồng gà, có tổng giá trị hiện vật là 180.696.000đồng.

Trong khi chị Th được hưởng giá trị quyền sử dụng đất là 206.390.000 đồng cùng giá trị nhà và vật kiến trúc trên đất là 98.369.000đồng. Như vậy chị Th phải thanh toán chênh lệch tài sản chung cho anh B về quyền sử dụng đất là 27.801.000

đồng, nhà và vật kiến trúc là 96.262.000 đồng; tổng cộng chị Th phải thanh toán chênh lệch tài sản chung cho anh B là 124.063.000 đồng.

Sau khi đối trừ số tiền anh B đang quản lý 2.627.500 đồng đã nêu tại mục [3.3] và số tiền 35.000.000 đồng mà anh B phải thanh toán cho chị Th đã nêu tại mục [3.4] của bản án sơ thẩm, tổng hai khoản là 37.627.500 đồng thì chị Th còn phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho anh B là 86.435.500 đồng, làm tròn 86.435.000 đồng.

Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chia cho anh B được hưởng 60% giá trị đất, chị Th hưởng 40% giá trị đất là không có căn cứ.

[3]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo ngày 22/6/2021 của chị Vũ Thị Hoài Th; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/HNGĐ-ST ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình về phần bản án liên quan đến phương thức phân chia tài sản chung.

[4]. Tại văn bản đề ngày 06/8/2021, tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 06/12/2021 ông Trần Văn H (tên gọi khác là Trần Đức H) trình bày: các công trình phụ mà vợ chồng B Th đã xây dựng trên thửa đất của ông, ông yêu cầu phải tháo dỡ di dời trong thời gian sớm nhất để gia đình ông được sử dụng.

Xét thấy: quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, anh B và chị Th đều không yêu cầu giải quyết phần vật kiến trúc xây nhờ trên đất của ông H. Theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc ông H đưa ra yêu cầu độc lập sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên không được xem xét giải quyết cùng trong vụ án này. Do đó, đối với yêu cầu của ông H buộc anh B chị Th phải tháo dỡ di dời các công trình kiến trúc trên đất của ông sẽ được giải quyết trong vụ án khác theo quy định của pháp luật, nếu ông Trần Văn H (tên gọi khác là Trần Đức H) có yêu cầu.

[5]. Những phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: do sửa bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm như sau:

Giá trị phần tài sản chung chị Th, anh B mỗi người được chia là 307.386.500 đồng; án phí chị Th, anh B mỗi người phải chịu là: (307.386.500 đồng - 40.000.000 đồng) x 5% = 13.369.325 đồng, làm tròn 13.369.000 đồng.

Về nợ chung, chị Th và anh B mỗi người phải thực hiện nghĩa vụ đối với bên thứ ba là: 35.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 999 (giá trị 5.000.000đồng/chỉ tại thời điểm xét xử sơ thẩm), tổng cộng 40.000.000 đồng. Án phí đối với phần tài sản thực hiện nghĩa vụ đối với bên thứ ba là: 40.000.000 đồng x 5% = 2.000.000 đồng.

Tổng cộng chị Th, anh B mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 13.369.000 đồng + 2.000.000 đồng = 15.369.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: bản án sơ thẩm bị sửa nên chị Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 213, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 179 của Luật đất đai năm 2013; Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo ngày 22/6/2021 của chị Vũ Thị Hoài Th.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/HNGĐ-ST ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình đối với phần bản án liên quan đến phương thức phân chia tài sản và phần án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của chị Vũ Thị Hoài Th đối với anh Trần Thế B:

- Chia cho chị Vũ Thị Hoài Th được quyền sử dụng 113,3m^2 đất ở phía Tây của thửa đất số 281 tờ bản đồ số 22, địa chỉ thửa đất: xóm 1, xã Qu, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Thửa đất có vị trí, kích thước tứ cận như sau: phía Bắc giáp đường dài 5,63 m, phía Nam giáp đất nhà ông H dài 5,73m, chiều dài thửa đất phía Đông và phía Tây là 20m. Chị Vũ Thị Hoài Th được quyền sở hữu căn nhà mái bằng, mái tôn phía trước, sân gạch xây dựng trên phần đất chia cho chị Vũ Thị Hoài Th.

- Chia cho anh Trần Thế B được quyền sử dụng 86,4 m^2 đất ở phía Đông của thửa đất số 281 tờ bản đồ số 22, địa chỉ thửa đất: xóm 1, xã Qu, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Thửa đất có vị trí, kích thước tứ cận như sau: phía Bắc giáp đường dài 4,37m, phía Nam giáp nhà ông H dài 4,28 m, chiều dài thửa đất phía Đông và phía Tây là 20m. Anh Trần Thế B được quyền sở hữu sân trạt, chuồng gà xây dựng trên phần đất chia cho anh Trần Thế B.

(Có sơ đồ kèm theo).

- Buộc chị Vũ Thị Hoài Th phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản chung cho anh Trần Thế B với số tiền là 86.435.000 đồng (tám mươi sáu triệu, bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Vũ Thị Hoài Th phải chịu 15.369.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 10.616.000 đồng theo Biên lai số AA/2018/0002494 ngày 18/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim

Sơn, tỉnh Ninh Bình; chị Vũ Thị Hoài Th còn phải nộp 4.753.000 đồng (bốn triệu, bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng).

+ Anh Trần Thế B phải chịu 15.369.000 đồng (mười lăm triệu, ba trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

2. Những phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/HNGĐ-ST ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: chị Vũ Thị Hoài Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại cho chị Vũ Thị Hoài Th số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số AA/2018/0002618 ngày 23/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 14/12/2021.

Nơi nhận:
-TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- TAND huyện Kim Sơn;
- Chi cục THADS huyện Kim Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án. VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng